

HOSE

04/12/2013

VNINDEX 510.88 -0.74 -0.14%

KLGD 111,829,030 CP

GTGD 1,489.12 Tỷ

GTR NDTNN 15.88 Tỷ

CP Tăng giá 116 CP

CP Giảm giá 104 CP

CP Đứng giá 84 CP



HNX

04/12/2013

HNXINDEX 66.12 0.49 0.74%

KLGD 60,746,722 CP

GTGD 471.64 Tỷ

GTR NDTNN 1.49 Tỷ

CP Tăng giá 131 CP

CP Giảm giá 73 CP

CP Đứng giá 175 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 570.91 -0.80 -0.14%

HNX30 125.71 1.48 1.19%

Tâm điểm

► **Zig - Zag đi lên và tích lũy dần, sàn Hà Nội tăng điểm khá tốt**

► **Thanh khoản tiếp tục được duy trì ở mức cao**

Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn ở mức xấp xỉ 2.000 tỷ đồng.

► **Việt Nam có trữ lượng dầu thô cao thứ 2 ở Đông Á, chỉ sau Trung Quốc**

Con số do Công ty BP Plc ước tính

Gafin

► **Giới đầu tư nước ngoài kêu gọi thúc nhanh cải cách DNNN**

Theo giới này thì DNNN được nhiều ưu đãi nhưng lại hoạt động không hiệu quả

Vneconomy

► **"Trái phiếu rác" ở châu Âu tăng kỷ lục trong năm 2013.**

khối lượng phát hành junk bond đã tăng kỷ lục 98% so với năm ngoái

CNBC

► **FLC - nộp hồ sơ xin phát hành tăng vốn lên gấp đôi**

Nguồn vốn sẽ dùng cho dự án sản xuất bao bì carton cao cấp và Dự án Hồ Cẩm Quý.

Vietstock

► **CTG - phân đầu đưa nợ xấu về dưới 1% vào cuối năm nay**

Với sự hỗ trợ từ kinh nghiệm và nguồn lực của BTMU

Thời báo kinh tế Sài Gòn

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

EPS

P/E

P/B

D/E

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
HOSE	854,949	2,362	12.3	3.0	2.90
HNX	103,885	722	16.5	1.6	4.28
Toàn bộ thị trường	958,834	1,859	13.2	2.9	3.09

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Nhựa, cao su & sợi	7,975	4,300	6.3	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,093	5,438	6.5	1.6	0.39
Thép và sản phẩm thép	28,027	1,560	12.9	1.6	1.83
Khai khoáng	12,125	751	39.7	4.9	0.32
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,962	987	11.9	1.3	1.68
Xây dựng	22,704	402	21.7	0.8	3.19
Máy công nghiệp	8,325	2,915	8.4	1.5	0.66
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,327	3,097	10.5	1.1	0.42
Lốp xe	6,085	4,405	7.6	2.3	1.28
Nuôi trồng nông & hải sản	12,333	1,641	10.6	1.2	1.98
Thực phẩm	200,489	3,863	22.0	5.7	0.74
Dược phẩm	13,481	5,962	10.6	3.0	0.78
Phần mềm	13,673	5,015	8.5	1.9	1.11
Sản xuất & phân phối điện	20,506	2,218	6.3	1.2	1.17
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,485	6,178	9.6	3.6	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	28,103	1,618	25.5	2.4	3.18
Môi giới chứng khoán	16,980	694	14.3	0.9	0.58
Ngân hàng	202,143	1,666	10.4	1.3	9.66
Bất động sản	127,598	1,345	16.9	2.8	2.00
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,416	3,971	8.3	1.4	1.45

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu

Hai Ba Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Việt Nam có trữ lượng dầu thô cao thứ 2 ở Đông Á, chỉ sau Trung Quốc

Giới đầu tư nước ngoài kêu gọi thúc nhanh cải cách DNNN

"Trái phiếu rác" ở châu Âu tăng kỷ lục trong năm 2013.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Doanh nghiệp lớn lạc quan về triển vọng kinh doanh năm 2014

FLC - nộp hồ sơ xin phát hành tăng vốn lên gấp đôi

CTG - phân đầu đưa nợ xấu về dưới 1% vào cuối năm nay

► Tin kinh tế

Theo số liệu từ Công ty BP Plc., trong năm vừa qua, sản lượng sản xuất dầu thô của Việt Nam đã tăng thêm 10%, đạt 348.000 thùng/ngày, mức tăng cao nhất kể từ năm 2006. BP ước tính Việt Nam là nước có trữ lượng dầu thô cao thứ hai trong khu vực Đông Á, chỉ đứng sau Trung Quốc. Theo một chuyên gia của PVN cho biết Việt Nam có thể duy trì sản lượng dầu thô khoảng 340.000 thùng/ngày như hiện nay trong một vài năm tới.

Các chuyên gia tại Quốc tế tại Diễn đàn doanh nghiệp Nhà nước (VBF) kêu gọi thúc nhanh cải cách DNNN. Giới đầu tư nước ngoài cho rằng, khu vực DNNN đang chiếm tới 40% toàn bộ nền kinh tế và các doanh nghiệp này nhìn chung đang được ưu đãi nhiều hơn thông qua các khoản vay, tiếp cận đất đai...nhưng lại thường không hoạt động hiệu quả. Điều này đang kìm hãm sự tăng trưởng của nền kinh tế do đó dẫn đến việc giảm đầu tư khu vực tư nhân trong các lĩnh vực này. Phó Thủ Tướng Hoàng Trung Hải cũng khẳng định quyết tâm CPH để số DNNN quy mô từ 1.200 hiện nay xuống còn 600 vào năm 2015 và 300 vào năm 2020.

Theo báo cáo của S&P Capital IQ, khối lượng phát hành junk bond (trái phiếu rác, trái phiếu rủi ro cao hoặc trái phiếu lợi suất cao) đã tăng kỷ lục 98% so với năm ngoái. Cũng theo báo cáo, do các ngân hàng châu Âu hạn chế cho vay khiến nhiều công ty phải tìm kiếm nguồn tài chính thay thế với chi phí thấp tại thị trường vốn.

► Tin doanh nghiệp

Theo khảo sát của VNR500 vừa được công bố vào đầu tháng 12 này. Hơn 62,3% số CEO được VNR500 khảo sát cho biết, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình trong năm 2013 tốt hơn năm 2012, 16,4% nhận định không có nhiều thay đổi trong kinh doanh năm nay. Chỉ 21,3% số CEO tỏ ra không hài lòng khi kết quả kinh doanh không đạt được như kế hoạch đã đề ra, thậm chí thụt lùi so với năm trước. Đáng chú ý đây là lần đầu tiên sau 4 năm liên tiếp các doanh nghiệp lớn Việt Nam đã tỏ ra khá lạc quan về nền kinh tế vĩ mô cũng như khả năng tăng trưởng của mình trong năm 2014.

Theo ông Nguyễn Thiện Phú, Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn FLC, cuối tháng 11/2013, Công ty đã nộp hồ sơ lên UBCK xin phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn lên gấp đôi. Theo kế hoạch, FLC sẽ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, mức giá 10.000 đồng/CP. Số tiền thu về dự kiến là 771,8 tỷ đồng, sẽ được sử dụng để đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất bao bì carton cao cấp (300 tỷ đồng) và góp vốn đầu tư vào CTCP FLC Golf & Resort thực hiện Dự án Hồ Cẩm Quý.

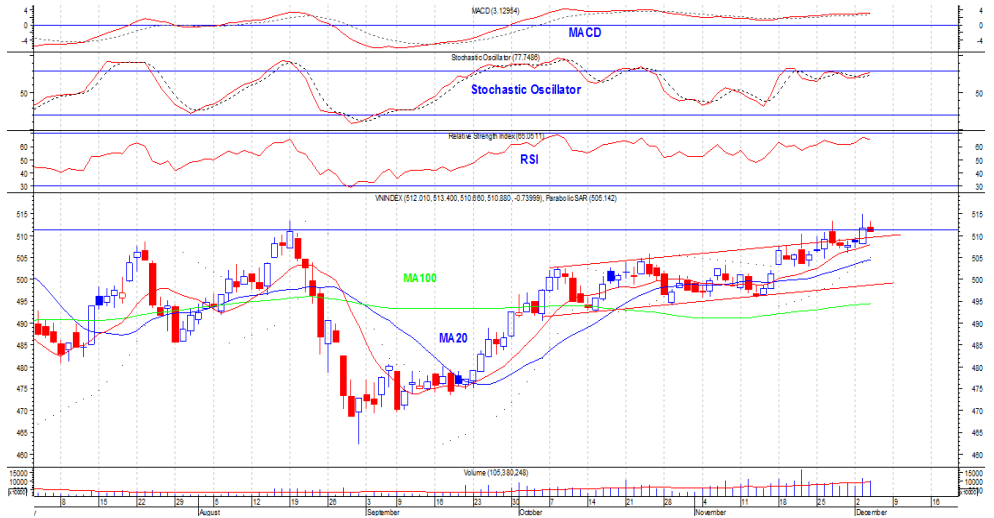
Ông Phạm Huy Hùng, Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng VietinBank (HOSE: CTG) , cho biết ngân hàng này sẽ đưa tỷ lệ nợ xấu của mình xuống dưới mức 1% vào cuối năm nay. Vietinbank đang trong quá trình tích cực xử lý vấn đề nợ xấu, chủ yếu bằng dự phòng rủi ro, nhằm nâng cao chất lượng tài sản của VietinBank. Ông Go Watanabe, TGD BTMU khu vực Châu Á Thái Bình Dương cho biết, BTMU BTMU đã hoạt động rất lâu tại nhiều nước trên thế giới do vậy đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản trị rủi ro và sẽ hỗ trợ cho Vietinbank khá nhiều trong việc xử lý nợ xấu.

HOSE 04/12/2013 VNINDEX 510.88 -0.74 -0.14% 111,829,030 CP 1,489.12 bil VND

Zig - Zag đi lên và tích lũy dần

VN-Index giảm 0.74 điểm (-0.14%), đóng cửa tại mức 510.88 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ giảm điểm, thân nến ngắn và vẫn đang dao động biên độ 507 - 513.

- 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục đi lên cho thấy xu hướng ngắn hạn của VN-Index vẫn là đi lên.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục đi lên.
- Stochastic Oscillator sắp đi vào ngưỡng quá mua.
- RSI(14) ở mức 65.
- ADX tiếp tục tăng lên, thể hiện xu thế tăng điểm của VN-Index vẫn đang được củng cố.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-1.3%)	5,838,760
HQC	0.2 (2.9%)	4,873,360
ITA	0 (0.0%)	4,539,840
PVT	0.2 (1.6%)	4,269,510
OGC	0.5 (4.3%)	3,876,170

HOSE Top 5 theo % tăng

COM	1.7 (7.0%)	30
VHC	1.6 (7.0%)	2,540
CLP	0.6 (6.9%)	10
NVT	0.4 (6.8%)	77,770
HLG	0.4 (6.7%)	4,710

HOSE Top 5 theo % giảm

PXM	-0.1 (-7.1%)	9,730
PXI	-0.3 (-7.0%)	543,110
SVI	-2.5 (-7.0%)	10,000
TTP	-1.5 (-6.8%)	2,000
VHG	-0.7 (-6.7%)	2,437,300

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KDH	61.8 tỷ	4,824,510
GMD	15.1 tỷ	476,360
OGC	8.4 tỷ	717,450
SVI	4.9 tỷ	144,640
CTG	4.3 tỷ	250,200

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	40.4 tỷ	1,924,110
CSM	7.4 tỷ	213,680
GAS	6.5 tỷ	98,790
HSG	6.1 tỷ	145,070
DPM	4.2 tỷ	102,350

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,729,040	15.88

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tiếp tục dao động với biên độ hẹp 511 - 513 điểm. Mặc dù đóng cửa giảm điểm nhưng số mã tăng giá vẫn nhiều hơn số mã giảm.
- ▶ Dù đà tăng của VN-Index có phần zig-zag đi lên và tích lũy dần nhưng dòng tiền tiếp tục phân hóa khá rõ nét, đặc biệt là những mã kín room khối ngoại.
- ▶ Thị trường nghiêng nhiều về phương án tích lũy tiếp ở vùng 507 - 513. Dòng tiền sẽ phân hóa và hướng nhiều vào các mã kỳ vọng hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại, lượng bán ròng mấy phiên vừa rồi mang tính chất cơ cấu và tập trung chủ yếu ở HAG. Nhìn chung khối ngoại vẫn đang mua gom khá tích cực.
- ▶ Nhà đầu tư có thể xem xét các mã đầy room ngoại, dòng Penny lợi nhuận cao nhưng rủi ro song hành khá lớn nếu việc mua đuổi gặp ngưỡng kháng cự 513 điểm.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	65.0	123,175.00	6,696	9.7	3.7	0.40
VNM	833.5	141.0	117,519.97	8,053	17.6	7.0	0.22
VCB	2,317.4	28.1	65,119.42	1,757	16.2	1.6	9.59
VIC	908.7	71.0	64,519.67	6,710	10.6	4.0	2.74
CTG	3,723.4	17.2	64,042.56	2,287	7.5	1.3	9.54
MSN	734.9	82.5	60,630.19	557	149.1	4.6	1.77
BVH	680.5	41.0	27,899.33	1,618	25.5	2.4	3.18
STB	1,142.5	17.0	19,422.70	703	24.5	1.2	8.60
PVD	275.3	63.0	17,341.47	6,609	9.5	1.6	1.13
HPG	419.1	40.2	16,845.91	3,913	10.3	1.9	1.41

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.6	2,930.76	18.2	1.1	NA	CW
PPC	318.2	23.9	7,603.90	3.9	1.5	NA	CW
PHR	78.5	32.0	2,511.68	6.0	1.2	31.0	CH
BMP	45.5	73.5	3,342.67	8.7	2.3	NA	CW
VSC	28.6	53.0	1,518.24	6.5	1.8	NA	CW

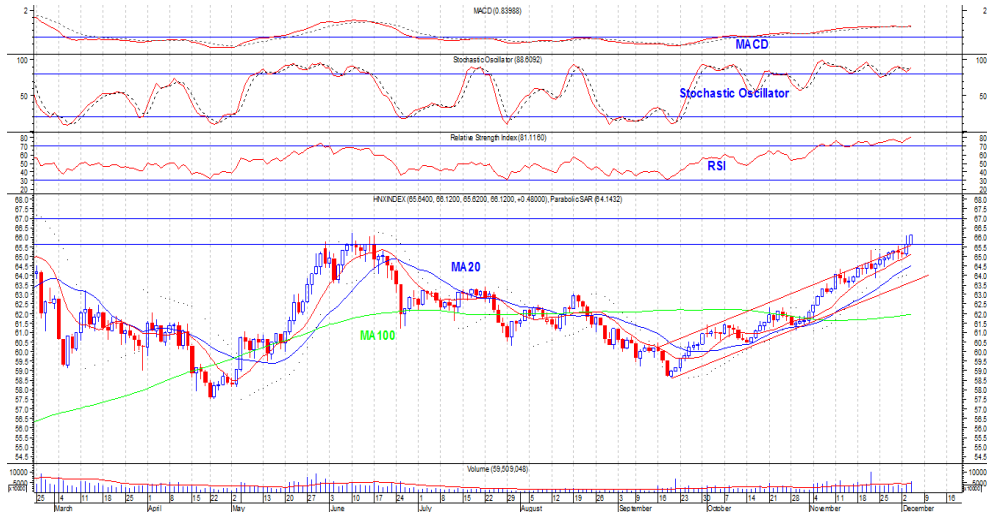
CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

HNX 04/12/2013 HNX-Index 66.12 0.49 0.74% 60,746,722 CP 471.64 bil. VND

Thu hút dòng tiền mạnh, HNX-Index đang có xu hướng tăng điểm khá tốt

Chỉ số HNX-Index tăng 0.49 điểm (+0.74%), đóng cửa tại mốc 66.12 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực, bứt phá khỏi kênh giá cũ và đang hướng tới mốc đỉnh 67 phía trên.

- 2 đường MA10 và MA20 hướng lên cho thấy xu hướng tăng điểm của sàn này đang khá mạnh.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang ở trong vùng quá mua.
- RSI (14) tăng mạnh lên mức 80.
- ADX tiếp tục gia tăng mạnh cho thấy xu hướng tăng điểm vẫn đang được củng cố.



HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0.2 (2.9%)	5,646,450
VCG	0.6 (5.9%)	4,942,220
HUT	0.7 (9.6%)	3,971,070
SHB	-0.1 (-1.4%)	3,391,190
SHS	0.3 (5.0%)	2,887,050

HNX Top 5 theo % tăng

INC	0.4 (10.0%)	300
SHN	0.1 (10.0%)	542,010
VE4	0.8 (10.0%)	-
VIG	0.3 (10.0%)	2,626,500
MKV	0.8 (9.8%)	300

HNX Top 5 theo % giảm

NVC	-0.1 (-11.1%)	66,000
BHC	-0.2 (-10.0%)	1,000
SPI	-0.7 (-10.0%)	100
VTC	-0.3 (-10.0%)	4,100
DNC	-0.8 (-9.9%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	2.6 tỷ	143,500
ICG	1.6 tỷ	287,700
AAA	1.2 tỷ	69,200
SHB	1.0 tỷ	143,100
VIG	0.9 tỷ	260,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PGS	7.5 tỷ	263,200
UNI	0.3 tỷ	50,000
PVG	0.3 tỷ	23,000
DBC	0.2 tỷ	9,200
IDJ	0.1 tỷ	27,900

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	859,300	1.49

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sàn Hà Nội thể hiện hướng tăng điểm khá tích cực từ đầu phiên và duy trì khá tốt đến cuối phiên, dòng tiền tập trung nhiều vào SCR, VCG, HUT, AAA...
- ▶ Thanh khoản liên tục được gia tăng, cho thấy tín hiệu tăng điểm khá vững của sàn Hà Nội, tâm lý nhà đầu tư sàn này đang rất tích cực.
- ▶ Động lực tăng điểm vẫn đang duy trì tốt, mặc dù liên tục đối mặt với các mốc kháng cự và áp lực chốt lời, việc dòng tiền vẫn duy trì ở mức cao là tín hiệu rất tích cực.
- ▶ Khối ngoại vẫn đang giữ nhịp mua ròng ở sàn này mặc dù lượng mua đã giảm xuống. Điều này giúp củng cố niềm tin cho nhà đầu tư khá nhiều.
- ▶ Việc mua thêm ở các mã Penny lợi nhuận cao sẽ đi kèm với rủi ro song hành, NĐT có thể hướng dòng tiền vào các mã cơ bản tốt, tránh mua đuổi giá lên.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	15.7	14,467.79	1,027	15.2	1.1	11.53
SQC	110.0	78.2	8,602.00	198	395.7	6.4	0.24
PVS	446.7	18.3	8,174.62	2,872	6.4	1.1	2.15
SHB	886.1	7.0	6,202.58	1,884	3.8	0.6	10.63
OCH	200.0	25.7	5,140.00	687	37.0	2.4	0.95
VCG	441.7	10.7	4,726.30	403	25.1	0.9	3.58
PVI	226.3	16.2	3,665.33	1,239	13.2	0.6	0.81
LAS	77.8	35.7	2,778.60	5,181	6.8	2.2	1.11
NTP	43.3	60.5	2,621.95	7,195	8.4	2.2	0.44
VNR	100.8	22.0	2,218.21	3,470	6.5	0.9	0.91

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.4	1,079.20	5.1	1.2	NA	CW
AAA	19.8	18.1	358.38	5.1	0.7	NA	CW
VND	100.0	10.6	1,059.73	8.3	0.9	NA	CW
NTP	43.3	60.5	2,621.95	8.4	2.2	NA	CW
LHC	2.0	55.5	111.00	2.2	1.0	NA	CW

CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

Nguyet A. Vu

nguyetva@vietinbanksc.com.vn

Mã CK PHR
Tên công ty Cao su Phước Hòa
Sở giao dịch HOSE
Ngành Nhựa, cao su & sợi
SLCPLH 78.49 triệu CP
GTVH (tỷ) 2,512 tỷ VND

Giá hiện tại **32.0**
 Giá mục tiêu **31.0**

GIỮ



Kết thúc 9 tháng đầu năm 2013, doanh thu đạt 1.270 tỷ đồng, LNTT đạt 256,06 tỷ đồng, giảm lần lượt 25% và 43,45% so với 9 tháng đầu năm 2012. Nguyên nhân chủ yếu do giá bán cao su giảm mạnh, cụ thể trong Q3, giá bình quân giảm 9,47 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu tài sản, công nợ cuối Q3 2013 không có sự thay đổi nhiều so với Q3 2012 do lợi nhuận cao trong các năm trước tích lũy lại trong khi nhu cầu đầu tư không lớn và sử dụng nợ vay ít.

PHR hiện có hệ số nợ thấp (0,51 lần), hệ số P/E (6.1 lần) và P/B (1.2 lần) tương đối hợp lý so với mức trung bình của ngành và thấp hơn so với thị trường. Chỉ số EPS hiện vẫn đang ở mức trung bình, tuy nhiên hứa hẹn có sự tăng trưởng trong những năm tới khi giá cao su khôi phục trở lại.

Theo phương pháp so sánh nhiều chỉ số trong định giá CP, mức giá hợp lý của PHR là 31,000 đồng/CP, thấp hơn 3% so với mức giá hiện tại, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nắm giữ đối với CP PHR.

► PHR: Sản lượng tiêu thụ và giá bán giảm mạnh, PHR điều chỉnh giảm hơn 100 tỷ đồng LN kế hoạch Q4/2013

PHR là một trong những công ty có quy mô hàng đầu trong ngành về diện tích và sản lượng khai thác. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực trồng, khai thác, chế biến mủ cao su và chế biến gỗ cao su. Với dây chuyền sản xuất được đầu tư đồng bộ, công nghệ tiên tiến để sản xuất ra những sản phẩm đảm bảo chất lượng, PHR tập trung vào sản phẩm mủ cốm cao cấp SVR CV50-60 (60%).

Theo báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2013, lợi nhuận trước thuế của PHR chủ yếu đến từ kinh doanh cao su (61,3%) và vườn cây thanh lý (33,1%). Lợi nhuận từ hoạt động tài chính chiếm tỷ lệ nhỏ trong năm 2013 (5,6%).

PHR vừa quyết định điều chỉnh giảm kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013. Theo đó, công ty sẽ giảm kế hoạch doanh thu 10,4% từ 1835 tỷ đồng xuống 1.662 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế giảm 28% từ 378 tỷ đồng xuống còn 272 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do giá cao su sụt giảm mạnh trong năm 2013. Giá bán cao su hiện nay chỉ còn trên dưới 50 triệu đồng/tấn, trong khi giá bình quân ở thời điểm đầu năm là trên 60 triệu đồng/tấn.

Quý 4/2013, PHR dự kiến đạt 460,6 tỷ đồng doanh thu và 100 tỷ đồng lợi nhuận, tương đương với kế hoạch sản lượng cao su 9.800 tấn mủ quy khô với giá bán bình quân 47 triệu đồng/tấn. Mặc dù tình hình kinh doanh của PHR trong ngắn hạn khá ảm đạm, tuy nhiên với lợi thế sở hữu diện tích đất trồng cao su lớn trong ngành cùng với tình hình tài chính lành mạnh, sẽ mang lại doanh thu, lợi nhuận đáng kể khi cao su quay lại chu kỳ tăng giá trong vòng 3 – 5 năm nữa.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
Doanh thu	427	647	591	332	428	587
Lợi nhuận gộp	91	126	267	77	110	85
Lợi nhuận kinh doanh	66	86	251	53	83	59
Lợi nhuận trước thuế	123	124	281	66	111	79
Lãi ròng	92	120	222	47	87	59
Tiền và tương đương tiền	598	599	446	299	244	337
Tài sản khác	2,488	2,484	2,663	2,666	2,818	2,872
Tổng tài sản	3,086	3,083	3,109	2,964	3,062	3,209
Công nợ	1,183	1,068	1,053	856	992	1,082
Vốn chủ sở hữu	1,903	2,014	2,056	2,109	2,070	2,128

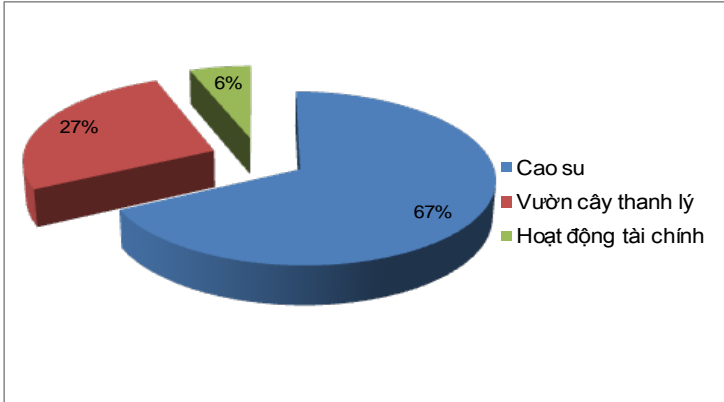
Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động							
DPR	42.1	48.3	2,034.63	9,591	5.0	0.9	0.25
HRC	17.3	47.8	825.07	3,221	14.8	1.7	0.34
PHR	78.5	32.0	2,511.68	5,241	6.1	1.2	0.51
TNC	19.3	13.9	267.58	2,011	6.9	0.9	0.13
TRC	29.1	42.6	1,240.73	9,238	4.6	0.9	0.32
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-

Chỉ số bình quân ngành

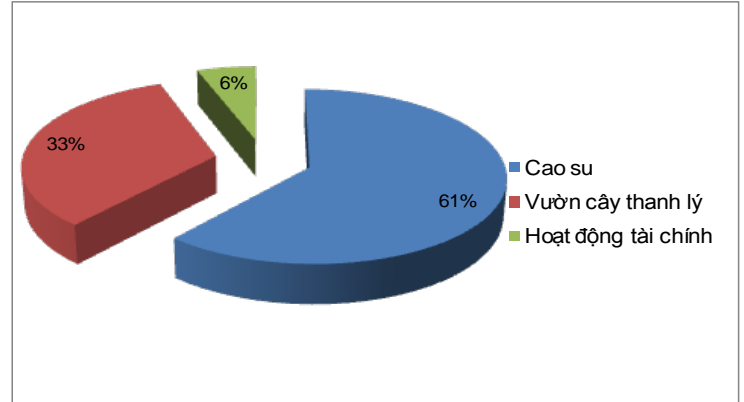
Nhựa, cao su & sợi	8,010.00	4,300	6.4	1.1	0.50
--------------------	----------	-------	-----	-----	------

► Cơ cấu lợi nhuận trước thuế

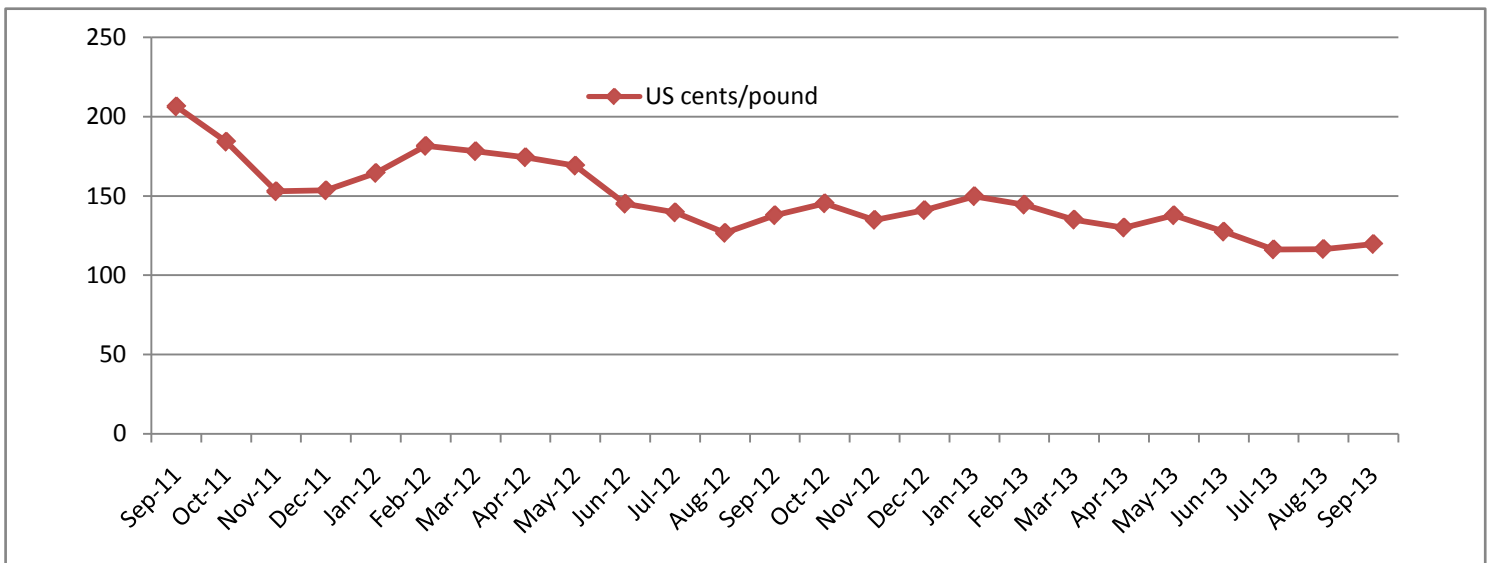
2012



9 tháng 2013



► Diễn biến giá cao su thế giới



KQKD	2009	2010	2011	2012
Doanh thu thuần	1,068	2,030	2,583	2,214
Giá vốn hàng bán	(785)	(1,321)	(1,561)	(1,560)
Lãi gộp	283	709	1,022	654
Chi phí bán hàng	(12)	(19)	(23)	(24)
Chi phí quản lý	(52)	(151)	(77)	(72)
Lợi nhuận hoạt động	219	540	922	558
Chi phí khác (ròng)	77	97	43	153
- Thu nhập khác	124	134	59	190
- Chi phí khác	(47)	(37)	(16)	(38)
EBIT	296	637	965	711
Chi phí tài chính (ròng)	29	(10)	38	43
- Thu nhập tài chính	42	41	79	54
- Chi phí tài chính	(13)	(50)	(41)	(11)
+ Chi phí lãi vay	(1)	(26)	(23)	(11)
LNR trước thuế	325	627	1,003	753
Thuế TNDN	(84)	(158)	(177)	(148)
LNR sau thuế	241	469	827	605
Lợi ích thiểu số	(0)	(1)	(4)	(4)
LNR sau lợi ích thiểu số	241	468	823	602

BÁO CÁO DÒNG TIỀN	2009	2010	2011	2012
LNR sau lợi ích thiểu số	24	47	82	60
Điều chỉnh				
+ Khấu hao	595	9	34	13
+ Dự phòng	7	182	86	(58)
+ Lợi ích thiểu số	4	12	4	4
+ Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
+ Chi phí tài chính ròng	(36)	12	(45)	(51)
Tiền từ hoạt động k.doanh	1,106	605	830	386
- Tăng đầu tư máy móc	(1,271)	(175)	(339)	(266)
- Tăng đầu tư TCSD	-	-	-	-
- Tăng đầu tư TC ng.hạn	(109)	57	(111)	29
- Tăng đầu tư TC d.hạn	(402)	(108)	62	(8)
- Tăng khác	(91)	21	14	39
Tiền từ hoạt động đầu tư	(1,873)	(205)	(373)	(206)
Tiền tự do	(767)	400	456	179
- Cổ tức đã trả	137	(349)	(378)	(321)
Tiền sau trả cổ tức	(630)	51	78	(141)
+ Tăng góp vốn cổ phần	813	-	-	-
+ Tăng góp vốn khác	1	(1)	-	-
+ Tăng khác	-	-	-	-
- Tăng cổ phiếu quỹ	(39)	(13)	(31)	(14)
+ Tăng nợ	76	139	102	(31)
Tiền từ hoạt động t.chính	988	(224)	(308)	(366)
Tiền trước ch.lịch t.giá	221	176	149	(186)
+ Chênh lệch tỷ giá	6	20	64	(4)
Dòng tiền mặt ròng	228	196	213	(190)
Tiền mặt đầu kỳ	-	228	424	637
Tiền mặt cuối kỳ	228	424	637	446

BẢNG CÂN ĐỐI	2009	2010	2011	2012
Tài sản lưu động	702	888	1,444	1,234
Tiền và tương đương	228	424	637	446
Đầu tư t.chính ng.hạn	104	43	147	119
Các khoản phải thu	243	230	297	330
Tồn kho	124	189	346	317
Tài sản lưu động khác	3	3	16	22
Tài sản cố định / dài hạn	1,167	1,418	1,644	1,867
Phải thu dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư t.chính dài hạn	400	506	442	451
Máy móc, thiết bị (ròng)	536	527	573	548
Máy móc, thiế bị (d.dang)	140	315	574	852
Đầu tư BĐS dài hạn	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	91	70	55	16
TỔNG TÀI SẢN	1,869	2,305	3,088	3,101
Công nợ	706	1,005	1,307	1,053
Nợ ngắn hạn	699	954	1,256	971
Nợ dài hạn	7	51	51	82
Vốn chủ sở hữu	1,159	1,284	1,762	2,024
Vốn góp CSH	813	813	813	813
Các quỹ	233	181	362	508
Lợi nhuận chưa p.phối	151	342	669	800
Khác	(38)	(52)	(83)	(97)
Lợi tích cổ đông thiểu số	4	16	20	24
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,869	2,305	3,088	3,101

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2009	2010	2011	2012
Tăng trưởng				
Doanh thu thuần		90%	27%	-14%
Lợi nhuận gộp		151%	44%	-36%
Lợi nhuận ròng		94%	76%	-27%
Tổng tài sản		23%	34%	0%
Vốn chủ sở hữu		11%	37%	15%
Khả năng thanh toán				
Nợ ngắn hạn	1.00	0.93	1.15	1.27
Thanh toán nhanh	0.83	0.73	0.87	0.95
Tiền mặt	0.47	0.49	0.62	0.58
Hoạt động				
Vòng quay tiền mặt	4.69	4.79	4.06	4.96
Vòng quay khoản p.thu	36.76	44.01	34.28	29.30
Vòng quay tồn kho	6.31	7.00		
Đòn bẩy tài chính				
Nợ/Tổng tài sản	37.8%	43.6%	42.3%	34.0%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.61	0.78	0.74	0.52
Hệ số trả chi phí lãi vay	25.77	13.49	25.59	66.72
Khả năng sinh lợi				
Tỷ suất lãi gộp	26.5%	34.9%	39.6%	29.5%
Tỷ suất lãi hoạt động	20.5%	26.6%	35.7%	25.2%
Tỷ suất lãi ròng	22.6%	23.0%	31.8%	27.2%
Lợi nhuận/Tổng tài sản	12.9%	20.3%	26.6%	19.4%
Lợi nhuận/Vốn CSH	21%	36%	47%	30%
Tiền HĐKD/Tổng TS	59%	26%	27%	12%
Chỉ số khác				
Lợi nhuận/Cổ phiếu	2.96	5.75	10.42	7.66
Giá trị sổ sách/CP	14.26	15.80	22.30	25.79

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,975	4,300	6.3	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,093	5,438	6.5	1.6	0.39
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,007	302	17.8	0.5	2.07
Sản xuất giấy	582	397	17.1	0.7	0.94
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	28,027		12.9	1.6	1.83
Khai khoáng					
Khai thác than	1,396	312	29.5	0.7	5.23
Khai khoáng	12,125	751	39.7	4.9	0.32
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,962	987	11.9	1.3	1.68
Xây dựng	22,704	402	21.7	0.8	3.19
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,017	2,581	7.0	1.1	1.03
Công nghiệp phức hợp	428	1,656	6.2	0.6	0.33
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,679	1,284	10.8	1.5	1.06
Thiết bị điện	1,463	458	12.0	0.6	1.12
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	30	53	103.1	0.4	0.43
Máy công nghiệp	8,325	2,915	8.4	1.5	0.66
Vận tải					
Vận tải thủy	6,498	2,796	2.8	0.8	1.81
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,327	3,097	10.5	1.1	0.42
Dịch vụ vận tải	4,550	1,672	10.1	1.4	0.80
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,638	1,806	8.2	1.0	2.98
Đào tạo & Việc làm	207	369	20.7	0.6	2.00
Nhà cung cấp thiết bị	167	885	8.7	0.8	2.42
Chất thải & Môi trường	112	6,535	1.8	0.6	1.31
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,924	1,077	14.3	3.8	32.29
Lốp xe	6,085	4,405	7.6	2.3	1.28
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,274	2,750	6.4	1.0	0.89
Vang & Rượu mạnh	207	1,484	15.6	1.6	1.00
Đồ uống & giải khát	192	3,598	5.0	1.0	0.41
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,333	1,641	10.6	1.2	1.98
Thực phẩm	200,489	3,863	22.0	5.7	0.74
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	40	692	4.8	0.5	0.31
Thiết bị gia dụng	2,099	2,036	8.5	1.0	1.16
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	156	4,808	3.5	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,528	2,422	8.3	1.2	1.61
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,529	3,086	9.3	1.6	0.91
Thuốc lá					
Thuốc lá	665	-	26.0	0.9	2.61

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,040	2,542	7.2	1.0	0.61
Dụng cụ y tế	84	5,281	2.3	1.1	1.30
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	154	870	15.5	1.0	0.43
Dược phẩm	13,481	5,962	10.6	3.0	0.78
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	428	453	75.0	1.3	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	571	471	28.3	0.9	1.07
Phân phối hàng chuyên dụng	2,663	3,177	8.3	1.6	3.99
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	972	1,589	6.9	0.8	0.62
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	4,511	7.3	3.0	1.04
Khách sạn	5,544	583	39.6	2.4	0.90
Dịch vụ giải trí	1,940	605	20.9	1.6	0.80
Vận tải hành khách & Du lịch	1,089	914	19.2	2.0	0.52
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	36	628	8.4	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	442	63	82.8	0.6	1.31
Internet	296	72	55.7	0.7	3.45
Phần mềm	13,673	5,015	8.5	1.9	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	303	583	12.5	0.5	1.45
Thiết bị văn phòng	194	3,383	4.6	0.7	0.21
Thiết bị viễn thông	1,866	705	13.7	0.7	0.33
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	20,506	2,218	6.3	1.2	1.17
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,485	6,178	9.6	3.6	0.45
Nước	920	2,445	4.9	0.9	0.64
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,100	959	9.6	0.8	1.93
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,655	1,272	11.0	0.6	0.87
Tái bảo hiểm	2,269	3,470	6.5	0.9	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	28,103	1,618	25.5	2.4	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,450	196	58.6	1.1	2.61
Môi giới chứng khoán	16,980	694	14.3	0.9	0.58
Ngân hàng					
Ngân hàng	202,143	1,666	10.4	1.3	9.66
Bất động sản					
Bất động sản	127,598	1,345	16.9	2.8	2.00
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	3	720	3.5	0.3	1.03
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,416	3,971	8.3	1.4	1.45

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.